

Số:                      /KH-SCT                      Quảng Trị, ngày                      tháng                      năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Cải thiện Chỉ số thành phần số 7 - Chính sách hỗ trợ**  
**doanh nghiệp năm 2026 và các năm tiếp theo**

Thực hiện Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh về việc Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Trị năm 2026 và các năm tiếp theo và Phụ lục Bảng tổng hợp 9 chỉ số thành phần và 98 chỉ tiêu chi tiết kèm theo Kế hoạch; Sở Công Thương ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số thành phần số 7 - Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (CSTP7), cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Trị năm 2026 và các năm tiếp theo đối với CSTP7; xác định rõ trách nhiệm của Sở Công Thương với vai trò là cơ quan đầu mối phụ trách CSTP7 và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính đối với từng chỉ tiêu thuộc CSTP7.

- Tập trung khắc phục những hạn chế, cải thiện các chỉ tiêu có thứ hạng thấp; đồng thời duy trì, củng cố những chỉ tiêu đã đạt thứ hạng trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước, góp phần thực hiện mục tiêu CSTP7 năm 2026 đạt thứ hạng 20.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp; bảo đảm chính sách hỗ trợ được triển khai công khai, thuận lợi, đúng đối tượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp trong việc nắm bắt nhu cầu, tổ chức thực hiện, đánh giá và hoàn thiện các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp.

**2. Yêu cầu**

- Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chịu trách nhiệm chính đối với các chỉ tiêu thuộc CSTP7 trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát các chỉ tiêu, mục tiêu được UBND tỉnh giao; tập trung nguồn lực cải thiện các chỉ tiêu có thứ hạng ngoài nhóm 20, đồng thời duy trì, nâng cao chất lượng đối với các chỉ tiêu đã đạt thứ hạng trong nhóm 20.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải gắn với từng chỉ tiêu và kết quả cụ thể, có khả năng theo dõi, đánh giá; ưu tiên giải quyết những khó khăn, vướng mắc thực tế của doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

- Việc thực hiện phải bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; cơ quan được giao chịu trách nhiệm chính không chuyển trách nhiệm thực hiện chỉ tiêu cho cơ quan phối hợp. Các cơ quan phối hợp thực hiện đầy đủ phần việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Tăng cường trao đổi, tiếp nhận phản ánh và tham vấn ý kiến của doanh nghiệp, Hội Doanh nghiệp tỉnh và các hiệp hội ngành hàng; lấy mức độ thuận lợi, mức độ tiếp cận và mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp làm cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

- Sở Công Thương thực hiện vai trò đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện CSTP7; không thay thế trách nhiệm của các cơ quan được giao chịu trách nhiệm chính đối với từng chỉ tiêu.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện Chỉ số thành phần số 7 - Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (CSTP7); nâng cao khả năng doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện và thụ hưởng các chính sách, chương trình hỗ trợ của tỉnh; nâng cao mức độ thuận lợi, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; góp phần thực hiện mục tiêu CSTP7 năm 2026 đạt nhóm 20 theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đối với các chỉ tiêu Sở Công Thương chịu trách nhiệm**

Tập trung cải thiện Chỉ tiêu 2 - Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh và Chỉ tiêu 3 - Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, phấn đấu nâng từ hạng 26 năm 2025 lên hạng 20 năm 2026; đồng thời duy trì hoặc cải thiện kết quả các Chỉ tiêu 1, 4, 5 và 7 theo mục tiêu UBND tỉnh giao.

#### **2.2. Đối với các chỉ tiêu do các cơ quan, đơn vị khác chịu trách nhiệm**

Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chịu trách nhiệm chính chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; duy trì kết quả đối với các Chỉ tiêu 6, 12, 13, 14, 15; tập trung cải thiện các Chỉ tiêu 8, 9, 10, 11, 16, 17 theo mục tiêu tại Kế hoạch số 3889/KH-UBND. Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện để tham mưu UBND tỉnh trong quá trình triển khai CSTP7.

#### **2.3. Tăng cường lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong tổ chức thực hiện chính sách**

Việc triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phải hướng tới: doanh nghiệp biết và tiếp cận được thông tin; doanh nghiệp dễ dàng thực hiện các điều kiện, thủ tục để tiếp cận chính sách; chính sách đáp ứng đúng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; doanh nghiệp đánh giá tích cực về hiệu quả và chất lượng hỗ trợ.

## **2.4. Tổ chức thực hiện trong các năm tiếp theo**

Từ năm 2027, căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu hằng năm của UBND tỉnh và kết quả thực hiện năm trước, các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, cập nhật nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Rà soát, nâng cao chất lượng chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp**

- Các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao trực tiếp rà soát các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đang triển khai thuộc phạm vi quản lý; đánh giá mức độ phù hợp giữa chính sách hỗ trợ và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; xác định những khó khăn, vướng mắc trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện và thụ hưởng chính sách.

- Chủ động xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền; đối với những nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo và đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Tập trung cải thiện Chỉ tiêu 2 và Chỉ tiêu 3, là các chỉ tiêu đang xếp hạng 26, thông qua việc nâng cao chất lượng chính sách, phương thức tổ chức thực hiện và mức độ đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

### **2. Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và chính sách hỗ trợ**

- Các cơ quan, đơn vị công khai, cập nhật đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm thông tin rõ ràng về đối tượng, nội dung hỗ trợ, điều kiện, cách thức tiếp cận, trình tự thực hiện và đầu mối hướng dẫn.

- Tăng cường các hình thức cung cấp thông tin phù hợp, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng tìm hiểu, tiếp cận và tham gia các chương trình hỗ trợ.

- Sở Công Thương chủ trì cung cấp thông tin về các hiệp định thương mại tự do (FTA), thị trường xuất khẩu, quy tắc xuất xứ, yêu cầu kỹ thuật và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ FTA, góp phần cải thiện các chỉ tiêu về tiếp cận chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế.

### **3. Cải thiện mức độ thuận lợi trong thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp**

- Các cơ quan, đơn vị theo phạm vi quản lý rà soát quy trình, hồ sơ, điều kiện và phương thức tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; xác định những nội dung còn gây khó khăn, bất tiện hoặc chưa rõ ràng đối với doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa nội dung hướng dẫn; bảo đảm doanh nghiệp được hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng ngay từ đầu, hạn chế việc phải liên hệ nhiều đầu mối hoặc bổ sung hồ sơ nhiều lần do hướng dẫn chưa đầy đủ.

- Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền, chủ động điều chỉnh phương thức tổ chức thực hiện theo hướng thuận lợi nhất cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền cấp trên, chủ động tổng hợp, báo cáo và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét.

- Tập trung thực hiện Chỉ tiêu 2, phấn đấu nâng thứ hạng từ 26 lên 20.

#### **4. Nâng cao mức độ đáp ứng nhu cầu và hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp**

- Các cơ quan, đơn vị tăng cường khảo sát, nắm bắt và phân loại nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, quy mô, địa bàn và nhóm đối tượng.

- Trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ, tăng cường tham vấn doanh nghiệp, Hội Doanh nghiệp tỉnh và các hiệp hội ngành hàng; kịp thời điều chỉnh nội dung, phương thức hỗ trợ trong phạm vi thẩm quyền để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.

- Thực hiện đánh giá kết quả sau hỗ trợ trên cơ sở mức độ đáp ứng nhu cầu, hiệu quả mang lại và phản hồi của doanh nghiệp, làm cơ sở hoàn thiện chính sách và chương trình hỗ trợ.

- Tập trung thực hiện Chỉ tiêu 3, phấn đấu nâng thứ hạng từ 26 lên 20.

#### **5. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế và phát triển thị trường**

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: cung cấp thông tin về FTA, thị trường xuất khẩu, quy tắc xuất xứ, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện tiếp cận thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, hỗ trợ phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cơ hội từ FTA; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu; theo dõi, đánh giá mức độ doanh nghiệp tiếp cận và mức độ đáp ứng nhu cầu đối với các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp trong phạm vi lĩnh vực phụ trách, bảo đảm hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế đồng bộ, hiệu quả.

#### **6. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương**

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực: thương mại; công nghiệp; năng lượng; xuất nhập khẩu; xúc tiến thương mại; chuyển đổi xanh và các lĩnh vực khác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở.

- Chủ động nắm bắt khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền; tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án công nghiệp, năng lượng trọng điểm, kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại theo nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho Sở Công Thương.

#### **7. Tăng cường hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo**

- Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về Chỉ tiêu 6 theo Phụ lục Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tập trung cung cấp thông tin về chính sách, chương trình hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận, tham gia và thụ hưởng các chương trình hỗ trợ; nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc

của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

#### **8. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực và dịch vụ**

- Sở Tài chính trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực được UBND tỉnh giao, tập trung phát triển, đa dạng hóa hệ thống nhà cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các dịch vụ; khuyến khích sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và nước ngoài theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

#### **9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp**

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được giao, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề; hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, đáp ứng yêu cầu về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số.

#### **10. Duy trì và nâng cao hiệu quả hỗ trợ tài chính từ cấp tỉnh**

- Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước tổ chức thực hiện đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và quy định hiện hành; công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đủ điều kiện tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

- Đối với các chính sách hỗ trợ thuộc phạm vi Sở Công Thương, Sở Công Thương trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả Chỉ tiêu 7.

- Thường xuyên rà soát tình hình tiếp cận chính sách của doanh nghiệp; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

#### **11. Tăng cường đối thoại, tiếp nhận và xử lý phản ánh của doanh nghiệp**

- Các cơ quan, đơn vị tăng cường tiếp nhận, nắm bắt và xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; xác định rõ trách nhiệm xử lý đối với từng nội dung, bảo đảm phản ánh của doanh nghiệp được tiếp nhận, xem xét và trả lời theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Hội Doanh nghiệp tỉnh, các hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp để thường xuyên nắm bắt khó khăn, vướng mắc; tổng hợp các kiến nghị thuộc thẩm quyền cấp trên để báo cáo, đề xuất xử lý; theo dõi kết quả giải quyết và thông tin lại cho doanh nghiệp.

## **12. Tăng cường tuyên truyền về chính sách hỗ trợ và PCI**

- Các cơ quan, đơn vị tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý; cung cấp thông tin đầy đủ, dễ tiếp cận để doanh nghiệp biết, tham gia và thụ hưởng chính sách.

- Phối hợp với Hội Doanh nghiệp tỉnh, các hiệp hội ngành hàng và cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền về kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải thiện CSTP7.

- Tăng cường tuyên truyền để cộng đồng doanh nghiệp hiểu rõ bản chất, ý nghĩa của PCI; tham gia khảo sát với tinh thần khách quan, trách nhiệm, phản ánh đúng thực tế chất lượng điều hành và việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

*Danh mục chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và phụ trách các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 5 và 7 thuộc CSTP7 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh. Có các giải pháp cụ thể để bảo đảm mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Rà soát, nâng cao chất lượng các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; tập trung cải thiện **Chỉ tiêu 2 và Chỉ tiêu 3**, phấn đấu nâng thứ hạng từ 26 lên 20.

- Công khai, cập nhật thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; chuẩn hóa nội dung hướng dẫn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện;

- Rà soát quy trình, hồ sơ, điều kiện và phương thức tiếp cận chính sách; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính thuộc phạm vi quản lý đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và quy định hiện hành; bảo đảm công khai, minh bạch và thuận lợi cho doanh nghiệp đủ điều kiện tiếp cận;

- Công bố các thủ tục tiếp cận dịch vụ thị trường; cung cấp các thông tin liên quan đến các hiệp định thương mại tự do (FTA), các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội FTA để cộng đồng doanh nghiệp được biết và tham gia.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực: Năng lượng, công nghiệp; khuyến công; thương mại; xuất nhập khẩu; xúc tiến thương mại; chuyển đổi xanh.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án công nghiệp, năng lượng trọng điểm.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện 06 chỉ tiêu được giao; chủ động đề xuất giải pháp đối với các chỉ tiêu có nguy cơ không đạt mục tiêu.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện CSTP7 theo yêu cầu của UBND tỉnh.

## **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và phụ trách Chỉ tiêu 6 thuộc CSTP7 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh. Có các giải pháp cụ thể để bảo đảm mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Chủ trì thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; công khai, cung cấp thông tin đầy đủ về chính sách và chương trình hỗ trợ; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận, tham gia và thụ hưởng chính sách; nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện và chủ động đề xuất giải pháp cải thiện chỉ tiêu.

- Định kỳ cung cấp thông tin, số liệu và kết quả thực hiện Chỉ tiêu 6 cho Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi chung CSTP7.

## **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và phụ trách các chỉ tiêu 8 và 9 thuộc CSTP7 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh. Có các giải pháp cụ thể để bảo đảm mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Chủ trì thực hiện các giải pháp phát triển, đa dạng hóa hệ thống nhà cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng dịch vụ; khuyến khích sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và nước ngoài theo quy định.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao; chủ động đề xuất giải pháp đối với những chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu.

- Định kỳ cung cấp thông tin, số liệu và kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao cho Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi chung CSTP7.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và phụ trách các chỉ tiêu 10, 11 và 15 thuộc CSTP7 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh. Có các giải pháp cụ thể để bảo đảm mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Chủ trì nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao; chủ động đề xuất giải pháp cải thiện những chỉ tiêu có kết quả thấp.

- Định kỳ cung cấp thông tin, số liệu và kết quả thực hiện cho Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi chung CSTP7.

## **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và phụ trách các chỉ tiêu 12, 13, 14, 16 và 17 thuộc CSTP7 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh. Có các giải pháp cụ thể để bảo đảm mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Chủ trì phát triển thị trường lao động; tăng cường kết nối cung - cầu lao động; hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao; chủ động đề xuất giải pháp cải thiện những chỉ tiêu có kết quả thấp.

- Định kỳ cung cấp thông tin, số liệu và kết quả thực hiện cho Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi chung CSTP7.

## **6. Các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan**

- Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực được giao; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các chỉ tiêu được phân công chịu trách nhiệm chính tại Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Rà soát, đánh giá các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; chủ động xử lý các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền.

- Phối hợp với cơ quan chịu trách nhiệm chính khi có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu để phục vụ việc theo dõi, đánh giá CSTP7.

## **7. Hội Doanh nghiệp tỉnh**

- Phối hợp nắm bắt, tổng hợp và phản ánh khó khăn, vướng mắc, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp;

- Tham gia góp ý, phản biện đối với các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp;

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp;

- Phản ánh mức độ thuận lợi, khả năng tiếp cận và mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp đối với các chương trình hỗ trợ;

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức đối thoại, tiếp nhận và xử lý kiến nghị của doanh nghiệp.

## **V. THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

### **1. Theo dõi, đôn đốc thực hiện**

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu CSTP7, nhất là các chỉ tiêu được giao cho Sở Công Thương chịu trách nhiệm chính và các chỉ tiêu có mục tiêu cải thiện thứ hạng.

- Các cơ quan được giao chịu trách nhiệm chính đối với từng chỉ tiêu chủ động theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện thuộc phạm vi phụ trách; kịp thời xác

định khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân của những chỉ tiêu có nguy cơ không đạt mục tiêu và đề xuất giải pháp xử lý.

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; đồng thời cung cấp thông tin cho Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi chung CSTP7.

## **2. Chế độ báo cáo**

- Các cơ quan, đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 10 tháng đầu hàng quý, trong đó nêu rõ kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp, để Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) chậm nhất ngày 15 tháng đầu hàng quý.

- Ngoài báo cáo định kỳ, các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo đột xuất và cung cấp thông tin, số liệu theo yêu cầu để phục vụ việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện CSTP7.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Công Thương;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, P. QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Anh Tuấn**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC CHỈ TIÊU CẢI THIỆN CHỈ SỐ THÀNH PHẦN SỐ 7**  
**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NĂM 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số     /KH-SCT ngày     tháng     năm 2026 của Sở Công Thương)*

| Chỉ số Thành phần |                                                                                                                                           | Thực hiện năm 2025 |                  |                         |           | Kế hoạch năm 2026 | Đơn vị chịu trách nhiệm chính |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-------------------------|-----------|-------------------|-------------------------------|
|                   |                                                                                                                                           | Chỉ số của tỉnh    | Trung vị cả nước | So với trung vị cả nước | Thứ hạng  |                   |                               |
| <b>CSTP7</b>      | <b>Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</b>                                                                                                     | <b>5.31</b>        | <b>5.43</b>      | <b>Chưa tốt</b>         | <b>25</b> | <b>20</b>         | <b>Sở Công Thương</b>         |
| 1                 | Tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số các loại hỗ trợ được khảo sát (%)                                       | 77.25              | 67.8             | Tốt                     | 10        | 10                | Sở Công Thương                |
| 2                 | Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh (điểm trung bình thang 1-5, điểm cao hơn = thuận lợi hơn) | 2.57               | 2.8              | Chưa tốt                | 26        | 20                | Sở Công Thương                |
| 3                 | Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp (điểm trung bình thang 1-4, điểm cao hơn = tốt hơn)                  | 3.00               | 3.2              | Chưa tốt                | 26        | 20                | Sở Công Thương                |
| 4                 | Tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế (% doanh nghiệp)                                                | 38.57              | 26.7             | Tốt                     | 4         | 4                 | Sở Công Thương                |
| 5                 | Các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu (% doanh nghiệp)                                                            | 36.76              | 36.8             | Chưa tốt                | 18        | 18                | Sở Công Thương                |
| 6                 | Nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (% doanh nghiệp)                                    | 13.33              | 4.8              | Tốt                     | 2         | 2                 | Sở Khoa học và Công nghệ      |
| 7                 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh (%)                                  | 12.00              | 3.8              | Tốt                     | 1         | 1                 | Sở Công Thương                |
| 8                 | Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)                                                                                  | 2.38               | 2.8              | Chưa tốt                | 24        | 20                | Sở Tài chính                  |
| 9                 | Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)                                                            | 96.63              | 98.3             | Chưa tốt                | 25        | 20                | Sở Tài chính                  |
| 10                | Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)                                                                                  | 71.23              | 74.7             | Chưa tốt                | 22        | 20                | Sở Giáo dục và Đào tạo        |
| 11                | Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)                                                                                   | 57.53              | 61.6             | Chưa tốt                | 23        | 20                | Sở Giáo dục và Đào tạo        |

| Chỉ số Thành phần |                                                                                                                    | Thực hiện năm 2025 |                  |                         |          | Kế hoạch năm 2026 | Đơn vị chịu trách nhiệm chính |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-------------------------|----------|-------------------|-------------------------------|
|                   |                                                                                                                    | Chỉ số của tỉnh    | Trung vị cả nước | So với trung vị cả nước | Thứ hạng |                   |                               |
| 12                | Chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)                                                      | 7.50               | 5.6              | Chưa tốt                | 19       | 19                | Sở Nội vụ                     |
| 13                | Chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)                                                         | 10.00              | 10.0             | Tốt                     | 16       | 16                | Sở Nội vụ                     |
| 14                | Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)                                  | 29.51              | 24.8             | Tốt                     | 11       | 11                | Sở Nội vụ                     |
| 15                | Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia                                  | 6.04               | 6.1              | Chưa tốt                | 18       | 18                | Sở Giáo dục và Đào tạo        |
| 16                | Lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp (% đồng ý)                 | 33.33              | 58.0             | Chưa tốt                | 32       | 20                | Sở Nội vụ                     |
| 17                | Mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số (thang điểm 1-5, điểm cao = đáp ứng tốt hơn) | 3.00               | 4.0              | Chưa tốt                | 32       | 20                | Sở Nội vụ                     |

**PHỤ LỤC II**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**  
**CẢI THIẾN CHỈ SỐ THÀNH PHẦN SỐ 7 - CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NĂM 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số      /KH-SCT ngày      tháng      năm 2026 của Sở Công Thương)*

| TT       | Chỉ tiêu                                                                                    | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan chịu trách nhiệm chính | Cơ quan phối hợp                                                                      | Thời gian thực hiện                                   | Sản phẩm/kết quả đầu ra                                                                            |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Nhiệm vụ cụ thể</b>                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                |                                                                                       |                                                       |                                                                                                    |
| 1        | Tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số loại hỗ trợ được khảo sát | Rà soát đầy đủ các loại hình hỗ trợ doanh nghiệp đang được triển khai; công khai, cập nhật thông tin về chương trình, đối tượng, nội dung và phương thức tiếp cận; tăng cường thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn để doanh nghiệp biết, tiếp cận và tham gia các chương trình hỗ trợ. Theo dõi, đánh giá khả năng tiếp cận của doanh nghiệp đối với từng loại hình hỗ trợ để kịp thời bổ sung giải pháp đối với những loại hình có mức độ tiếp cận thấp. | Sở Công Thương                 | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp tỉnh và các hiệp hội ngành hàng     | Thường xuyên năm 2026                                 | Danh mục/chuyên mục thông tin; tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn; kết quả tiếp cận của doanh nghiệp |
| 2        | Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh             | Rà soát quy trình, thành phần hồ sơ, điều kiện và phương thức tiếp cận; chuẩn hóa nội dung hướng dẫn, bảo đảm hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng ngay từ đầu; giảm việc doanh nghiệp phải liên hệ nhiều đầu mối, đi lại hoặc bổ sung hồ sơ nhiều lần do hướng dẫn chưa đầy đủ. Nội dung thuộc thẩm quyền thì chủ động cải thiện; nội dung vượt thẩm quyền thì tổng hợp, kiến nghị xử lý.                                                                           | Sở Công Thương                 | Các cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình hỗ trợ; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp tỉnh | Quý III/2026 rà soát; quý IV/2026 tiếp tục hoàn thiện | Báo cáo rà soát; hướng dẫn chuẩn hóa; danh mục khó khăn, vướng mắc và kiến nghị                    |
| 3        | Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu                                     | Tăng cường khảo sát, nắm bắt nhu cầu hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực, quy mô và địa bàn; tham vấn doanh nghiệp, Hội Doanh nghiệp tỉnh và các hiệp hội ngành hàng trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình;                                                                                                                                                                                                                                              | Sở Công Thương                 | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp                                     | Quý III–IV/2026                                       | Tổng hợp nhu cầu; kết quả tham vấn; đề xuất điều chỉnh,                                            |

| TT | Chỉ tiêu                                                                              | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chịu trách nhiệm chính | Cơ quan phối hợp                                                                                        | Thời gian thực hiện   | Sản phẩm/kết quả đầu ra                                                                                   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | doanh nghiệp                                                                          | đánh giá sau hỗ trợ trên cơ sở nhu cầu thực tế và phản hồi để kịp thời điều chỉnh.                                                                                                                                                                                                                                      |                                | tỉnh; các hiệp hội ngành hàng                                                                           |                       | bổ sung (nếu cần)                                                                                         |
| 4  | Tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế             | Công khai, cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế; thông tin về FTA, thị trường xuất khẩu, quy tắc xuất xứ, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện tiếp cận thị trường; chủ động hướng dẫn, kết nối doanh nghiệp với chương trình hỗ trợ, xúc tiến thương mại, kết nối giao thương và phát triển thị trường. | Sở Công Thương                 | Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng              | Thường xuyên năm 2026 | Bản tin/tài liệu FTA và thị trường; hội nghị, tập huấn, kết nối; kết quả doanh nghiệp tiếp cận            |
| 5  | Các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu                         | Khảo sát, tổng hợp nhu cầu về thị trường xuất khẩu, FTA, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện tiếp cận thị trường; lựa chọn, thiết kế và tổ chức hoạt động hỗ trợ phù hợp; lấy ý kiến, đánh giá phản hồi của doanh nghiệp sau tham gia.                                                                    | Sở Công Thương                 | Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng; các cơ quan, đơn vị liên quan; doanh nghiệp             | Quý III–IV/2026       | Tổng hợp nhu cầu; chương trình/hoạt động hỗ trợ; kết quả và phản hồi                                      |
| 6  | Nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo | Rà soát, công khai và cung cấp thông tin về chính sách, chương trình hỗ trợ tài chính của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận, tham gia; nắm bắt khó khăn, vướng mắc để xử lý hoặc kiến nghị theo thẩm quyền.                                                 | Sở Khoa học và Công nghệ       | Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng; UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng | Thường xuyên năm 2026 | Thông tin/chương trình hỗ trợ được công khai; hoạt động hướng dẫn, kết nối; kết quả doanh nghiệp tiếp cận |
| 7  | Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước                      | Tiếp tục tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính thuộc phạm vi ngành Công Thương đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và quy định; bảo đảm công khai, minh bạch; hướng dẫn doanh nghiệp đủ điều kiện tiếp                                                                                                         | Sở Công Thương                 | Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND                                                       | Thường xuyên năm 2026 | Chương trình hỗ trợ công khai; kết quả hỗ trợ; báo cáo tình                                               |

| TT | Chỉ tiêu                                                                   | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chịu trách nhiệm chính | Cơ quan phối hợp                                                                | Thời gian thực hiện   | Sản phẩm/kết quả đầu ra                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|
|    | và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh                                        | cận; theo dõi, đánh giá kết quả và tháo gỡ vướng mắc.                                                                                                                                                                                           |                                | cấp xã                                                                          |                       | hình thực hiện                                          |
| 8  | Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp                       | Rà soát thực trạng và nhu cầu sử dụng dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh; nghiên cứu giải pháp tạo môi trường thuận lợi để phát triển doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; tăng cường kết nối cung – cầu dịch vụ.                                   | Sở Tài chính                   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng | Quý III–IV/2026       | Báo cáo rà soát; hoạt động kết nối; giải pháp hỗ trợ    |
| 9  | Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ | Rà soát điều kiện, môi trường hoạt động đối với nhà cung cấp dịch vụ; tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia; xử lý hoặc kiến nghị xử lý khó khăn, vướng mắc. | Sở Tài chính                   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Hội Doanh nghiệp tỉnh                          | Quý III–IV/2026       | Báo cáo rà soát; kiến nghị/giải pháp xử lý              |
| 10 | Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt                              | Tiếp tục triển khai giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; chú trọng chất lượng dạy và học, kết quả học tập của học sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo         | Sở Nội vụ; UBND cấp xã; cơ quan, đơn vị liên quan                               | Thường xuyên năm 2026 | Nhiệm vụ/giải pháp nâng cao chất lượng; báo cáo kết quả |
| 11 | Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt                               | Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; rà soát nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề và kỹ năng để định hướng đào tạo phù hợp; tăng cường đào tạo gắn thực tế doanh nghiệp.          | Sở Giáo dục và Đào tạo         | Sở Nội vụ; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hội Doanh nghiệp tỉnh; doanh nghiệp      | Quý III–IV/2026       | Kết quả kết nối; chương trình/hoạt động đào tạo phù hợp |
| 12 | Chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh                  | Nâng cao hiệu quả kết nối cung – cầu lao động; cập nhật, cung cấp thông tin thị trường lao động; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lao động phù hợp; tăng cường kết nối tuyển dụng nhằm giảm thời gian và chi                                  | Sở Nội vụ                      | Sở Giáo dục và Đào tạo; Hội Doanh nghiệp tỉnh; cơ quan,                         | Quý III–IV/2026       | Thông tin thị trường lao động; hoạt động kết nối tuyển  |

| TT | Chỉ tiêu                                                                                | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chịu trách nhiệm chính | Cơ quan phối hợp                                                           | Thời gian thực hiện   | Sản phẩm/kết quả đầu ra                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                         | phí tuyển dụng.                                                                                                                                                                                                                                                       |                                | đơn vị liên quan; doanh nghiệp                                             |                       | dụng; báo cáo kết quả                                                           |
| 13 | Chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh                                  | Tăng cường kết nối doanh nghiệp với cơ sở đào tạo; khuyến khích đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng theo nhu cầu doanh nghiệp; cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ đào tạo; nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo, góp phần giảm chi phí đào tạo. | Sở Nội vụ                      | Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở đào tạo; Hội Doanh nghiệp tỉnh; doanh nghiệp | Quý III–IV/2026       | Hoạt động kết nối, đào tạo; thông tin/chương trình hỗ trợ đào tạo               |
| 14 | Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo           | Rà soát nhu cầu đào tạo nhân lực theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; tăng cường đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng nghề; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và doanh nghiệp; kết nối người lao động với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.                    | Sở Nội vụ                      | Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở đào tạo; UBND cấp xã; doanh nghiệp           | Thường xuyên năm 2026 | Kế hoạch/chương trình đào tạo; kết quả đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng |
| 15 | Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia       | Tiếp tục triển khai giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học; chú trọng nâng cao kết quả thi tốt nghiệp THPT; rà soát, phân tích kết quả theo địa bàn, cơ sở giáo dục và nhóm đối tượng để có giải pháp phù hợp.                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo         | UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục                                            | Thường xuyên năm 2026 | Giải pháp nâng cao chất lượng; kết quả thực hiện                                |
| 16 | Lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp | Khảo sát, tổng hợp nhu cầu lao động theo ngành, lĩnh vực và trình độ; tăng cường kết nối cơ sở đào tạo, người lao động và doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại; nâng cao mức độ phù hợp giữa nguồn nhân lực và nhu cầu doanh nghiệp.  | Sở Nội vụ                      | Sở Giáo dục và Đào tạo; Hội Doanh nghiệp tỉnh; cơ sở đào tạo; doanh nghiệp | Quý III–IV/2026       | Tổng hợp nhu cầu; hoạt động kết nối; giải pháp đào tạo và tuyển dụng            |

| TT                                       | Chỉ tiêu                                                              | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chịu trách nhiệm chính                           | Cơ quan phối hợp                                                                  | Thời gian thực hiện        | Sản phẩm/kết quả đầu ra                                                                                |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17                                       | Mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số | Rà soát nhu cầu về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng; phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong xây dựng nội dung đào tạo phù hợp, nhất là kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng số.                        | Sở Nội vụ                                                | Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở đào tạo; Hội Doanh nghiệp tỉnh; doanh nghiệp        | Quý III-IV/2026            | Tổng hợp nhu cầu kỹ năng; chương trình/hoạt động đào tạo; kết quả kết nối doanh nghiệp - cơ sở đào tạo |
| <b>II Nhiệm vụ chung thực hiện CSTP7</b> |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                          |                                                                                   |                            |                                                                                                        |
| 1                                        | Tăng cường cung cấp thông tin, tuyên truyền                           | Các cơ quan chịu trách nhiệm chính chủ động công khai, cập nhật chính sách, chương trình hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý; cung cấp thông tin rõ ràng về đối tượng, nội dung, điều kiện, phương thức tiếp cận và đầu mối hướng dẫn; phối hợp tuyên truyền đến doanh nghiệp. | Các cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với từng chỉ tiêu | Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng; UBND cấp xã và cơ quan liên quan  | Thường xuyên năm 2026      | Chuyên mục, tài liệu, tin bài và nội dung hướng dẫn được công khai.                                    |
| 2                                        | Tăng cường đối thoại, tiếp nhận và xử lý phản ánh                     | Các cơ quan chịu trách nhiệm chính chủ động nắm bắt khó khăn, vướng mắc liên quan đến chỉ tiêu được giao; tiếp nhận, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền; theo dõi kết quả giải quyết và thông tin lại cho doanh nghiệp.                                         | Các cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với từng chỉ tiêu | Hội Doanh nghiệp tỉnh; các hiệp hội ngành hàng; doanh nghiệp và cơ quan liên quan | Thường xuyên năm 2026      | Tổng hợp phản ánh, kiến nghị và kết quả xử lý.                                                         |
| 3                                        | Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện                                  | Định kỳ rà soát kết quả thực hiện, xác định các chỉ tiêu chưa đạt hoặc có nguy cơ không đạt mục tiêu để chủ động đề xuất giải pháp; Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.                                                                                         | Sở Công Thương                                           | Các cơ quan phụ trách chỉ tiêu                                                    | Định kỳ, đột xuất năm 2026 | Báo cáo định kỳ; đề xuất giải pháp cải thiện chỉ tiêu.                                                 |

